

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 06 – 4 – 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Phạm Thị L là ông Phạm Minh Ph, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 03/9/2020). Có mặt.

Ông Phạm Minh Ph, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

-Bị đơn: Bà Bùi Ngọc Th, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

Bà Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông Ph, bà L trình bày:

Ngày 29/7/2017 (âm lịch) bà Th có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 48.000.000 đồng, bà Th hẹn đông xuân 2018 sẽ trả tiền, không thỏa thuận lãi suất, con dâu ông tên Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1990 có viết dùm biên nhận nợ và bà Th có đọc và ký tên vợ Tr, Bùi Ngọc Th trong biên nhận. Bà Th nói vay về để sửa nhà. Khi bà Th vay tiền thì vợ chồng ông đưa tiền tại nhà, có mặt con dâu ông, vợ chồng bà Th, ông Tr. Khi đến hạn trả nợ ông Ph, bà L có yêu cầu bà Th trả tiền nhưng bà Th không trả. Sau đó bà Th hẹn đến khi nào bán đất xong sẽ trả, và bà Th đã bán được đất cho ông T đại lý phân thuốc mà vẫn không trả cho ông, bà. Sau khi vay tiền, ông Ph thấy bà Th có sửa mái nhà trước cửa bà Th.

Ngày 15/02/2018 (âm lịch), tại nhà ông Ph, bà L bà Th có vay của bà L số tiền 23.500.000 đồng, hẹn hè thu 2018 trả, hai bên không có làm biên nhận chỉ nói miệng, không có thỏa thuận lãi suất, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Th1 gần nhà. Khi cho bà Th vay 23.500.000 đồng thì chỉ có mặt bà L, bà Th, bà Th1, còn ông Ph không có nhà. Khi đến hạn trả nợ ông Ph, bà L có yêu cầu bà Th trả tiền nhưng bà Th không trả.

Số tiền 71.500.000 đồng cho bà Th vay là tài sản chung của vợ chồng ông Ph, bà L. Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th trả cho vợ chồng ông, bà số tiền vay còn thiếu là 71.500.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 12/3/2021, bà Phan Thị Mỹ T trình bày:

Bà là con dâu của bà L, ông Ph, còn bà Th là hàng xóm với gia đình bà. Vào năm 2017, ngày, tháng không nhớ, bà có viết dùm biên nhận nợ cho bà Th ký tên tại nhà cha mẹ chồng. Nội dung biên nhận thể hiện bà Th có mượn của cha mẹ chồng bà số tiền 48.000.000 đồng, bà Th hứa khi nào giải quyết đất sẽ trả dứt điểm nợ cho cha mẹ chồng bà, bà Th có đọc biên nhận và ký tên vào trong biên nhận. Số tiền 48.000.000 đồng này bà Th vay 02 lần, lần đầu vay 10.000.000 đồng là bà có chứng kiến, lần 2 vay 40.000.000 đồng thì bà không chứng kiến chỉ nghe cha mẹ nói lại, sau đó bà Th có trả được 2.000.000 đồng còn nợ lại 48.000.000 đồng. Bà T xác định biên nhận nợ đề ngày 29/7/2017 là do bà viết, phần cuối biên nhận phần ghi: “người mượn vợ Tr, Bùi Ngọc Th” là do bà Th Viết. Ngày trong biên nhận ngày 29/7/2017 là do ông Ph viết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11/11/2020 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th1 trình bày:

Giữa bà Th1 với bà Phạm Thị L, ông Phạm Minh Ph, bà Bùi Ngọc Th không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là hàng xóm với bà.

Ngày 15/02/2018 (âm lịch) tại nhà bà L thì bà có chứng kiến việc bà Th có vay tiền của bà L là 23.500.000 đồng, bà L giao tiền cho bà Th và bà Th có đếm tiền đầy đủ, bà Th hứa khi nào giải quyết đất xong sẽ trả lại tiền cho bà L, hai bên không có nói về lãi suất, lúc đó không có ông Ph chồng bà L ở nhà. Bà Th không có làm biên nhận nợ cho bà L.

Tòa án xác minh đối với ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An được ông T cho biết vào năm 2019 ông T có mua đất thổ cư của bà Th thông qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng với diện tích khoảng 400 m². Ông mua để trừ tiền thi hành án, số tiền được thanh toán là 15.000.000 đồng. Vợ chồng bà Th còn nợ tiền mua phân thuốc của ông là 45.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Ngọc Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến của những người làm chứng.

Tại phiên tòa, ông Ph và bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho ông, bà 48.000.000 đồng đã vay theo biên nhận nợ ngày 29/7/2017, rút yêu cầu đối với số tiền 23.500.000 đồng bà Th vay ngày 15/02/2018 không có biên nhận, tiền lãi không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, bà Th chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung: Ông Ph và bà L có cho bà Bùi Ngọc Th vay số tiền 71.500.000 đồng chia làm 3 lần. Lần thứ nhất vay 10.000.000 đồng, sau đó bà Th trả được 2.000.000 đồng. Lần thứ 2 vào ngày 29/7/2017(AL) ông Ph và bà L cho bà Th vay 40.000.000 đồng, có viết biên nhận gộp chung với số tiền nợ 8.000.000 đồng trước đó thành số nợ 48.000.000 đồng, biên nhận do con dâu ông Ph và bà L là bà Phan Thị Mỹ T viết dùm và bà Th có ký vào biên nhận mượn tiền, bà Th hẹn giải quyết tranh chấp đất xong sẽ trả; lần thứ 3 bà Th mượn ông Ph, bà L số tiền 23.500.000 đồng, không có làm biên nhận nợ, khi giao tiền có bà Nguyễn Thị Th gần nhà chứng kiến sự việc, hẹn giải quyết tranh chấp đất xong sẽ trả. Đến nay bà Th đã giải quyết tranh chấp đất và bán đất cho ông Nguyễn Thanh T nhưng vẫn không thanh toán nợ cho vợ chồng ông Ph và bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với việc yêu cầu bà Th trả số tiền 23.500.000 đồng. Chỉ yêu cầu bà Bùi Ngọc Th trả số tiền 48.000.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, và vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, việc bà Th nợ tiền của ông Ph và bà L đối với số tiền 48.000.000 đồng vay ngày 29/7/2017, có lập biên nhận mượn tiền và bà Th có ký vào biên nhận, hẹn khi nào giải quyết đất xong sẽ trả cho ông Ph và bà L. Đến tháng 4 năm 2020 theo ông Ph và bà L thì bà Th đã giải quyết xong tranh chấp đất và đã bán hết phần đất tranh chấp cho ông Nguyễn Thanh T nhưng vẫn không thanh toán số nợ 48.000.000 đồng cho ông Ph và bà L. Đến nay bà Th chưa trả tiền cho ông Ph và bà L nên việc ông Ph và bà L yêu cầu bà Th trả 48.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Minh Ph và bà Phạm Thị L về việc yêu cầu bà Bùi Ngọc Th trả số tiền 48.000.000 đồng; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Phạm Minh Ph và bà Phạm Thị L đối với yêu cầu bà Bùi Ngọc Th trả số tiền 23.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Bùi Ngọc Th đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người làm chứng bà Phan Thị Mỹ T vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bị đơn bà Bùi Ngọc Th cố tình vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của đương sự người làm chứng để xem xét giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Ngọc Th trả tổng số tiền gốc đã vay 71.500.000 đồng gồm khoản vay theo biên nhận ngày 29/7/2017 (âm lịch) với số tiền 48.000.000 đồng và khoản vay vào ngày 15/02/2018 (âm

lịch) với số tiền 23.500.000 đồng không có biên nhận, không yêu cầu tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn bà L và ông Ph rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.500.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th trả cho ông, bà số tiền 48.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/7/2017 (âm lịch). Thấy rằng:

[2.2.1] Đối với khoản vay 48.000.000 đồng: Nguyên đơn cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn có vay tiền là biên nhận nợ ngày 29/7/2017 có chữ viết của bà Th, đồng thời người làm chứng bà Phan Thị Mỹ T cũng khẳng định bà là người viết dùm biên nhận ngày 29/7/2017 và bà Th đã ký tên vào biên nhận có sự chứng kiến của bà. Do đó, việc bà L, ông Ph yêu cầu bà Thanh trả cho ông bà 48.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về tiền lãi, bà L và ông Ph không yêu cầu, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2.2] Đối với khoản vay 23.500.000 đồng, do nguyên đơn bà L và ông Ph rút yêu cầu tại phiên phiên tòa nên căn cứ quy định tại các điều 217, 218 và 219 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, bà L và ông Ph được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là $48.000.000 \times 5\% = 2.400.000$ đồng; Nguyên đơn thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 12, 14, 15, và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 12, 14, 15 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L và ông Phạm Minh Ph về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Bùi Ngọc Th.

Buộc bà Bùi Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L và ông Phạm Minh Ph số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Phạm Thị L và ông Phạm Minh Ph về việc yêu cầu bà Bùi Ngọc Th trả cho ông, bà số tiền vay 23.500.000 đồng.

4. Về án phí:

Buộc bà Bùi Ngọc Th phải chịu 2.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh